TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn To

2. Ông Vũ Hồng Điều

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 294/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên toà số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1979;

Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh L.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Gi, sinh năm 1983;

Địa chỉ thường trú: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh L.

(Ông T yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, bà Gi vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18-10-2019, bản tự khai và các lời trình bày trong các Biên bản tại Toà án, nguyên đơn Huỳnh Văn T trình bày:

Ông và bà Gi tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L ngày 20-3-2019. Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên cải vã làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc, mỗi lần cải nhau là bà Thăm lại bỏ nhà đi, hiện nay hai vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà Gi. Về con chung: Có 04 con chung tên Huỳnh Thị Thanh Thsinh năm 2010, Huỳnh Thanh T1 sinh năm 2011, Huỳnh Thị Kim H sinh năm 2012, Huỳnh Văn T2 sinh năm 2015, hiện nay đang sống chung với ông. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà Gi phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, bà còn đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Gi đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng ông Hiệp không có mặt bất kỳ buổi làm việc nào, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Gi. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn", bà Gi có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh L nên thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L.

[2] Ông Huỳnh Văn T có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt và yêu cầu không tiến hành hoà giải. Bà Nguyễn Thị Ngọc Gi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 207 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc Gi có đăng ký kết hôn vào ngày 20-3-2019 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Theo ông T trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, và đã không còn sống chung với nhau nên ông yêu cầu ly hôn với bà Gi. Bà Gi đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có phương án hàn gắn tình cảm. Xét thấy, giữa hai người đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Toà án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà Gi có 04 con chung tên Huỳnh Thị Thanh Thsinh năm 2010, Huỳnh Thanh T1 sinh năm 2011, Huỳnh Thị Kim H sinh năm 2012, Huỳnh Văn T2 sinh năm 2015. Xét thấy, hiện nay con chung đang sống chung với ông T và các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn, bà Gi không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển về tinh thần và thể chất của con, cần giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T không yêu cầu bà Gi có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên bà Gi không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Ông T và bà Gi không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[7] Về nợ chung: Ông T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà Gi không có yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

[8] Về án phí: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T. Cho ông Huỳnh Văn T ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Gi.

2. Về con chung: Ông Huỳnh Văn T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng bốn con chung tên Huỳnh Thị Thanh Thsinh năm 2010, Huỳnh Thanh T1 sinh năm 2011, Huỳnh Thị Kim H sinh năm 2012, Huỳnh Văn T2 sinh năm 2015. Bà Nguyễn Thị Ngọc Gi không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. Về án phí: Ông Huỳnh Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002223 ngày 30-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh L. Ông Huỳnh Văn T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

Phạm Văn Tám - Dương Thị Sáu **Hồ Thị Miên**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện B;
- Cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Miên